



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

MỤC LỤC

<u>MUC LUC</u>	0
<u>A. PHẦN MỞ ĐẦU</u>	1
<u>B. PHẦN NỘI DUNG</u>	2
<u>1. Bản chất của quá trình nhận thức</u>	2
<u>1.1. Quan niệm của các trào lưu triết học trước C.Mác về nhận thức</u>	2
<u>1.2. Quan niệm của triết học Mác-Lênin về bản chất quá trình nhận thức</u>	4
<u>1.3. Các cấp độ của quá trình nhận thức</u>	5
<u>1.3.1. Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính</u>	5
<u>1.3.1.1. Nhận thức cảm tính</u>	5
<u>1.3.1.2. Nhận thức lý tính</u>	7
<u>1.3.1.3. Mối quan hệ giữa nhận thức cảm tính với lý tính</u>	10
<u>1.3.2. Nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận</u>	10
<u>1.3.2.1. Nhận thức kinh nghiệm</u>	10
<u>1.3.2.2. Nhận thức lý luận</u>	11
<u>1.3.3. Nhận thức thông thường và nhận thức khoa học</u>	12
<u>1.3.3.1. Nhận thức thông thường</u>	12
<u>1.3.3.2. Nhận thức khoa học</u>	12
<u>2. Thực tiễn</u>	13
<u>2.1. Khái niệm thực tiễn</u>	14



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

<u>2.2. Các hình thức của hoạt động thực tiễn</u>	15
<u>3. Vấn đề chân lý</u>	17
<u>3.1. Khái niệm chân lý</u>	17
<u>3.2. Các tính chất của chân lý</u>	18
<u>3.2.1. Tính khách quan.</u>	18
<u>3.2.2. Tính tuyệt đối và tính tương đối</u>	18
<u>3.2.3. Tính cụ thể</u>	19
<u>3.2.3. Về tiêu chuẩn của chân lý</u>	20
<u>4. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</u>	23
<u>4.1. Thực tiễn là cơ sở, động lực và mục đích của nhận thức</u>	23
<u>4.2. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý</u>	25
<u>C. KẾT LUẬN</u>	34
<u>TÀI LIỆU THAM KHẢO</u>	37



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

A. PHẦN MỞ ĐẦU

Ra đời từ những năm 40 của thế kỷ thứ 19, cho đến nay những nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn còn giữ nguyên giá trị lý luận và thực tiễn của nó. Và có thể nói rằng, mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn là một trong những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin nói chung và của lý luận nhận thức mácxít nói riêng. Quán triệt mối quan hệ đó, và đặc biệt là về vai trò của thực tiễn đối với nhận thức, đặc biệt là nhận thức khoa học là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động nhận thức và hoạt động cách mạng.

Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, khi mà đất nước ta đang trên con đường đổi mới đầy khó khăn phức tạp. Hơn nữa, trong bối cảnh mà đất nước ta, theo xu hướng tất yếu của thời đại, đang ngày càng thâm nhập một cách chủ động ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Toàn cầu hóa bên cạnh đem đến cho chúng ta nhiều thời cơ, nhiều thuận lợi để phát triển về mọi mặt nhằm theo kịp sự phát triển chung của khu vực và thế giới. Ngược lại, toàn cầu hóa hiện nay, mà trước hết là toàn cầu hóa về mặt kinh tế, và như một tất yếu là toàn cầu hóa về mặt chính trị, văn hóa, cũng đem lại cho chúng ta không ít những khó khăn và thử thách. Đòi hỏi trước mắt cũng như trong thời gian sắp tới chúng ta phải không ngừng đổi mới về nhiều mặt, trong đó có đổi mới tư duy lý luận, kịp thời tổng kết thực tiễn xây dựng hệ thống lý luận có tầm nhìn lâu dài và đưa ra những chủ trương và đường lối đúng đắn đúng đắn, kịp thời góp phần cho đất nước bắt kịp tốc độ phát triển của thời đại và đưa đất nước tiến nhanh và vững chắc hơn nữa trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Một lần nữa tìm hiểu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, làm rõ mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, đặc biệt là vai trò của nhân tố thực tiễn đối với quá trình nhận thức sẽ giúp cho



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

chúng ta hiểu một cách sâu sắc hơn, toàn diện hơn những nguyên lý cơ bản của triết học mác xít nhằm củng cố lòng tin, mài sắc tư duy lý luận chính trị, đóng góp vào quá trình tổng kết, phát triển lí luận trong công cuộc đổi mới của đất nước.

B. PHẦN NỘI DUNG

1. Bản chất của quá trình nhận thức

1.1. Quan niệm của các trào lưu triết học trước C.Mác về nhận thức

Lý luận nhận thức là lý luận về khả năng nhận thức của con người, về sự xuất hiện và phát triển của nhận thức, về con đường và phương pháp nhận thức là vấn đề có tầm quan trọng trong lịch sử triết học. Quan niệm về nhận thức, quá trình nhận thức và bản chất của nhận thức, trong lịch sử triết học từ trước đến nay đã xuất hiện nhiều quan niệm khác nhau hết sức phong phú và đa dạng.

Có thể nói, mặt thứ nhất trong vấn đề cơ bản của triết học, tức vấn đề mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại, vật chất và ý thức là điểm xuất phát của lý luận nhận thức.

Những người theo chủ nghĩa duy tâm chủ quan cho rằng ý thức con người là tồn tại thực tế, còn sự vật, hiện tượng và quá trình của thế giới chỉ có trong cảm giác, trong khái niệm của chủ thể, trong cái tôi, do ý thức sản sinh ra. Xuất phát từ chỗ phủ nhận sự tồn tại khách quan của thế giới vật chất, chủ nghĩa duy tâm khách quan coi nhận thức là sự “hồi tưởng lại” của linh hồn bất tử về “thế giới các ý niệm” hoặc là sự “tự ý thức về mình của ý niệm tuyệt đối”.

Nói chung những người theo chủ nghĩa duy tâm xuất phát từ sự công nhận ý thức là tính thứ nhất, vật chất là tính thứ hai, đều cho rằng ý thức sản sinh ra vật



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

chất. Với nhiều dạng khác nhau, dù công khai hay che đậy bằng những mảnh khoe tinh vi, chủ nghĩa duy tâm cuối cùng cũng đi đến thừa nhận sự tồn tại của một lực lượng siêu nhiên, của “Thượng đế”, do đó mà chủ nghĩa duy tâm đã trở thành cơ sở thế giới quan của tôn giáo.

Khác với chủ nghĩa duy tâm chủ quan và chủ nghĩa duy tâm khách quan, những người theo thuyết hoài nghi coi nhận thức là trạng thái hoài nghi về sự vật và biến sự nghi ngờ về tính xác thực của tri thức thành một nguyên tắc của nhận thức. Đến thời kỳ cận đại, khuynh hướng này phủ nhận khả năng nhận thức của con người. Họ cho rằng con người chỉ nhận thức được các thuộc tính bề ngoài, còn bản chất bên trong của sự vật thì không thể nhận thức được.

Kể cả chủ nghĩa duy vật của Phơ-bách, một chủ nghĩa duy vật được C.Mác và Ăngghen đánh giá rất cao cũng không thoát khỏi những quan niệm phiến diện, hẹp hòi về nhận thức. Chính vì vậy mà trong “Luận cương về Phơ-bách, C.Mác đã nêu lên một nhận định có tính tổng kết về hạn chế của chủ nghĩa duy vật và triết học trước đó về nhận thức rằng: “Khuyết điểm chủ yếu của toàn bộ chủ nghĩa duy vật từ trước tới nay – kể cả chủ nghĩa duy vật của Phơ-bách là sự vật, hiện thực khách thể hay hình thức trực quan, chứ không được nhận thức là hoạt động cảm giác của con người, là thực tiễn, không nhận thức được về mặt chủ quan.” [3, tr.9]

Đối lập với các quan điểm trên, chủ nghĩa duy vật thừa nhận khả năng nhận thức của con người và coi nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong đầu óc của con người. Tuy nhiên do hạn chế bởi tính trực quan, siêu hình nên chủ nghĩa duy vật trước Mác đã coi nhận thức là sự phản ánh trực quan,



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

là bản sao chép nguyên xi trạng thái bất động của sự vật. Họ chưa thấy được vai trò của thực tiễn đối với nhận thức.

Như vậy có thể nói, tất cả các trào lưu triết học trước triết học Mác- Lênin đều quan niệm sai lầm hoặc phiến diện về nhận thức, những vấn đề về lý luận nhận thức chưa được giải quyết một cách khoa học, đặc biệt chưa thấy được vai trò của thực tiễn đối với nhận thức.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

1.2. Quan niệm của triết học Mác-Lênin về bản chất quá trình nhận thức

Bằng sự kế thừa những yếu tố hợp lý của các học thuyết đã có, khái quát các thành tựu khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen đã xây dựng nên học thuyết biện chứng duy vật về nhận thức. Học thuyết này ra đời đã tạo ra một cuộc cách mạng trong lý luận nhận thức vì đã xây dựng được những quan điểm khoa học đúng đắn về bản chất của nhận thức. Học thuyết này ra đời dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau:

Một là, thừa nhận thế giới vật chất tồn tại khách quan độc lập đối với ý thức của con người. Theo đó, xét về bản chất, nhận thức luôn mang tính thứ hai, bị quyết định, chi phối bởi thế giới khách quan.

Hai là, thừa nhận khả năng nhận thức được thế giới của con người, coi nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong bộ óc con người, là hoạt động tìm hiểu khách thể của chủ thể. Vì vậy, về nguyên tắc, không có cái gì mà con người không thể biết, chỉ có cái con người chưa biết. Trong tương lai, với sự phát triển của khoa học và thực tiễn, dần dần con người sẽ biết. Nhận thức chỉ có thể hoàn thành và thực hiện trong mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể nhận thức. Con người là chủ thể tích cực, sáng tạo của nhận thức. Khi nhận thức, các yếu tố của chủ thể như lợi ích, lý tưởng, tài năng, ý chí, phẩm chất đạo đức... đều tham gia vào quá trình nhận thức với những mức độ khác nhau và ảnh hưởng đến kết quả nhận thức. Còn khách thể nhận thức là một bộ phận nào đó của hiện thực mà nhận thức hướng tới nắm bắt, phản ánh, nó nằm trong phạm vi tác động của hoạt động nhận thức. Do vậy, khách thể nhận thức không hoàn toàn đồng nhất với toàn bộ hiện thực khách quan, phạm vi của khách thể rộng đến đâu là tùy theo sự phát triển của khoa học. Như vậy, cả chủ thể nhận thức và khách thể nhận thức đều mang tính lịch sử-xã hội.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

Ba là, khẳng định nhận thức là một quá trình tích cực, biện chứng, sáng tạo. Sự phản ánh thế giới là một quá trình vận động, phát triển, mâu thuẫn chứ không phải là một hành động tức thời, giản đơn, máy móc và thụ động. Quá trình nhận thức diễn ra theo con đường từ trực quan sinh động (nhận thức cảm tính) đến tư duy trừu tượng (nhận thức lý tính) rồi từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn. Đó cũng là quá trình nhận thức đi từ hiện tượng đến bản chất, từ bản chất kém sâu sắc đến bản chất sâu sắc hơn.

Bốn là, nhận thức là quá trình trong đó con người thông qua hoạt động thực tiễn tác động vào hiện thực khách quan để nhận thức bản chất và quy luật của hiện thực. Cơ sở chủ yếu và trực tiếp nhất của nhận thức là thực tiễn. Thực tiễn vừa là động lực vừa là mục đích của nhận thức đồng thời là tiêu chuẩn của chân lý.

Dựa trên nguyên tắc đó, chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định: nhận thức là quá trình phản ánh biện chứng, tích cực, tự giác và sáng tạo thế giới khách quan vào trong đầu óc con người trên cơ sở thực tiễn.

1.3. Các cấp độ của quá trình nhận thức

Nhận thức là một quá trình biện chứng diễn ra rất phức tạp, bao gồm nhiều giai đoạn, hình thức khác nhau. Tùy theo tính chất của sự nghiên cứu mà quá trình đó được phân ra thành cấp độ khác nhau: nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính, nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận, nhận thức thông thường và nhận thức khoa học.

1.3.1. Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính

1.3.1.1. Nhận thức cảm tính



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

Nhận thức cảm tính (hay còn gọi là trực quan sinh động) là giai đoạn đầu tiên của quá trình nhận thức. Đó là giai đoạn con người sử dụng các giác quan để tác động vào sự vật nhằm nắm bắt sự vật ấy. Trực quan sinh động bao gồm các hình thức sau:

- Cảm giác là hình thức nhận thức cảm tính phản ánh các thuộc tính riêng lẻ của các sự vật, hiện tượng khi chúng tác động trực tiếp vào các giác quan của con người. Cảm giác là nguồn gốc của mọi sự hiểu biết, là kết quả của sự chuyển hoá những năng lượng kích thích từ bên ngoài thành yếu tố ý thức. Lênin viết: “Cảm giác là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan” hay “cái cảm tính = cái đầu tiên, cái tự bản thân nó tồn tại và chân thực” [10, tr.53]

Nếu dừng lại ở cảm giác thì con người mới hiểu được thuộc tính cụ thể, riêng lẻ của sự vật. Điều đó chưa đủ; bởi vì, muốn hiểu biết bản chất của sự vật phải nắm được một cách tương đối trọn vẹn sự vật. Vì vậy nhận thức phải vươn lên hình thức nhận thức cao hơn.

- Tri giác là hình thức nhận thức cảm tính phản ánh tương đối toàn vẹn sự vật khi sự vật đó đang tác động trực tiếp vào các giác quan con người. Tri giác là sự tổng hợp các cảm giác.

So với cảm giác thì tri giác là hình thức nhận thức đầy đủ hơn, phong phú hơn. Trong tri giác chứa đựng cả những thuộc tính đặc trưng và không đặc trưng có tính trực quan của sự vật. Trong khi đó, nhận thức đòi hỏi phải phân biệt được đâu là thuộc tính đặc trưng, đâu là thuộc tính không đặc trưng và phải nhận thức sự vật ngay cả khi nó không còn trực tiếp tác động lên cơ quan cảm giác con người. Do vậy nhận thức phải vươn lên hình thức nhận thức cao hơn.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

- Biểu tượng là hình thức nhận thức cảm tính phản ánh tương đối hoàn chỉnh sự vật do sự hình dung lại, nhớ lại sự vật khi sự vật không còn tác động trực tiếp vào các giác quan.

Trong biểu tượng vừa chứa đựng yếu tố trực tiếp vừa chứa đựng yếu tố gián tiếp. Bởi vì, nó được hình thành nhờ có sự phối hợp, bổ sung lẫn nhau của các giác quan và đã có sự tham gia của yếu tố phân tích, tổng hợp. Cho nên biểu tượng phản ánh được những thuộc tính đặc trưng nổi trội của các sự vật.

Như vậy, nhận thức cảm tính có đặc điểm: Là giai đoạn nhận thức trực tiếp sự vật, phụ thuộc vào mức độ hoàn thiện cơ quan cảm giác, kết quả thu nhận được tương đối phong phú, phản ánh được cả cái không bản chất, ngẫu nhiên và cả cái bản chất và tất nhiên. Hạn chế của nó là, chưa khẳng định được những mặt, những mối liên hệ bản chất, tất yếu bên trong của sự vật. Để khắc phục, nhận thức phải vươn lên giai đoạn cao hơn, giai đoạn lý tính.

1.3.1.2. Nhận thức lý tính

Nhận thức lý tính (Tư duy trừu tượng) là giai đoạn phản ánh gián tiếp trừu tượng, khái quát sự vật, được thể hiện qua các hình thức như khái niệm, phán đoán, suy luận.

- Khái niệm là hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng, phản ánh những đặc tính bản chất của sự vật.

Sự hình thành khái niệm là kết quả của sự khái quát, tổng hợp biện chứng các đặc điểm, thuộc tính của sự vật hay lớp sự vật. Vì vậy, các khái niệm vừa có tính khách quan vừa có tính chủ quan, vừa có mối quan hệ tác động qua lại với nhau, vừa thường xuyên vận động và phát triển.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

Khái niệm có vai trò rất quan trọng trong nhận thức bởi vì, nó là cơ sở để hình thành các phán đoán và tư duy khoa học.

- Phán đoán là hình thức tư duy trừu tượng, liên kết các khái niệm với nhau để khẳng định hay phủ định một đặc điểm, một thuộc tính của đối tượng. Thí dụ: “Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng” là một phán đoán. Bởi vì có sự liên kết khái niệm “dân tộc” “Việt Nam” với khái niệm “anh hùng”.

Theo trình độ phát triển của nhận thức, phán đoán được phân chia làm ba loại là phán đoán đơn nhất (ví dụ: đồng dẫn điện), phán đoán đặc thù (ví dụ: đồng là kim loại) và phán đoán phổ biến (ví dụ: mọi kim loại đều dẫn điện). Ở đây phán đoán phổ biến là hình thức thể hiện sự phản ánh bao quát rộng lớn nhất về đối tượng.

Nếu chỉ dừng lại ở phán đoán thì nhận thức chỉ mới biết được mối liên hệ giữa cái đơn nhất với cái phổ biến, chưa biết được giữa cái đơn nhất trong phán đoán này với cái đơn nhất trong phán đoán kia và chưa biết được mối quan hệ giữa cái đặc thù với cái đơn nhất và cái phổ biến. Chẳng hạn qua các phán đoán thí dụ nêu trên ta chưa thể biết ngoài đặc tính dẫn điện giống nhau thì giữa đồng với các kim loại khác còn có các thuộc tính giống nhau nào khác nữa. Để khắc phục hạn chế đó, nhận thức lý tính phải vươn lên hình thức nhận thức suy luận.

- Suy luận là hình thức tư duy trừu tượng liên kết các phán đoán lại với nhau để rút ra một phán đoán có tính chất kết luận tìm ra tri thức mới. Thí dụ, nếu liên kết phán đoán “đồng dẫn điện” với phán đoán “đồng là kim loại” ta rút ra được tri thức mới “mọi kim loại đều dẫn điện”. Tùy theo sự kết hợp phán đoán theo trật tự nào giữa phán đoán đơn nhất, đặc thù với phổ biến mà người ta có được hình thức suy luận quy nạp hay diễn dịch.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

Ngoài suy luận, trực giác lý tính cũng có chức năng phát hiện ra tri thức mới một cách nhanh chóng và đúng đắn.

Từ ba hình thức trên ta có thể rút ra giai đoạn nhận thức lý tính có đặc điểm sau: Là giai đoạn nhận thức gián tiếp, trừu tượng, khái quát sự vật. Nhận thức lý tính phụ thuộc vào năng lực tư duy của con người. Do đó phản ánh được chính xác mối liên hệ bản chất tồn tại bên trong một sự vật hay một lớp các sự vật.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

1.3.1.3. Môi quan hệ giữa nhận thức cảm tính với lý tính

Nhận thức cảm tính và lý tính có cùng chung đối tượng phản ánh, đó là các sự vật; cùng chung chủ thể phản ánh đó là con người và cùng do thực tiễn quy định. Đây là hai giai đoạn hợp thành quá trình nhận thức. Do vậy, chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, biểu hiện: Nhận thức cảm tính là cơ sở cung cấp tài liệu cho nhận thức lý tính; nhận thức lý tính nhờ có tính khái quát cao hiểu được bản chất nên đóng vai trò định hướng cho nhận thức cảm tính để có thể phản ánh được sâu sắc hơn. Lênin viết: "...lý tính chỉ là sự cố gắng không ngừng của tinh thần để thích nghi với kinh nghiệm, để hiểu kinh nghiệm ngày càng sâu..." [10, tr.629]

Nếu nhận thức chỉ dừng lại ở giai đoạn lý tính thì con người chỉ có được những tri thức về đối tượng. Còn bản thân tri thức đó có chân thực hay không thì chưa khẳng định được. Muốn khẳng định, nhận thức phải trở về thực tiễn, dùng thực tiễn làm tiêu chuẩn.

1.3.2. Nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận

Dựa vào trình độ thâm nhập vào bản chất của đối tượng, ta có thể phân chia thành nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận.

1.3.2.1. Nhận thức kinh nghiệm

Đây là loại nhận thức hình thành từ sự quan sát trực tiếp các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội hay trong các thí nghiệm khoa học. Kết quả nhận thức kinh nghiệm là tri thức kinh nghiệm. Tri thức này có hai loại, tri thức kinh nghiệm thông thường và tri thức kinh nghiệm khoa học.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

- Tri thức kinh nghiệm thông thường là loại tri thức được hình thành từ sự quan sát trực tiếp hàng ngày về cuộc sống và sản xuất. Tri thức này rất phong phú, nhờ có tri thức này con người có vốn kinh nghiệm sống dùng để điều chỉnh hoạt động hàng ngày.

- Tri thức kinh nghiệm khoa học là loại tri thức thu được từ sự khảo sát các thí nghiệm khoa học, loại tri thức này quan trọng ở chỗ đây là cơ sở để hình thành nhận thức khoa học và lý luận.

Hai loại tri thức này có quan hệ chặt chẽ với nhau, xâm nhập vào nhau để tạo nên tính phong phú, sinh động của nhận thức kinh nghiệm.

1.3.2.2. Nhận thức lý luận

Đây là loại nhận thức gián tiếp, trừu tượng và khái quát về bản chất và quy luật của các sự vật, hiện tượng. Nhận thức lý luận có tính gián tiếp vì nó được hình thành và phát triển trên cơ sở của nhận thức kinh nghiệm. Nhận thức lý luận có tính trừu tượng và khái quát vì nó chỉ tập trung phản ánh cái bản chất mang tính quy luật của sự vật và hiện tượng. Do đó, tri thức lý luận thể hiện chân lý sâu sắc hơn, chính xác hơn và có hệ thống hơn.

Nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận là hai giai đoạn nhận thức khác nhau, có quan hệ biện chứng với nhau. Trong đó nhận thức kinh nghiệm là cơ sở của nhận thức lý luận. Nó cung cấp cho nhận thức lý luận những tư liệu phong phú, cụ thể. Vì nó gắn chặt với thực tiễn nên tạo thành cơ sở hiện thực để kiểm tra, sửa chữa, bổ sung cho lý luận và cung cấp tư liệu để tổng kết thành lý luận. Ngược lại, mặc dù được hình thành từ tổng kết kinh nghiệm, nhận thức lý luận không xuất hiện một cách tự phát từ kinh nghiệm. Do tính độc lập tương đối của nó, lý luận có thể đi trước những sự kiện kinh nghiệm, hướng dẫn sự hình



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

thành tri thức kinh nghiệm có giá trị, lựa chọn kinh nghiệm hợp lý để phục vụ cho hoạt động thực tiễn. Thông qua đó mà nâng những tri thức kinh nghiệm từ chỗ là cái cụ thể, riêng lẻ, đơn nhất trở thành cái khái quát, phổ biến.

Nắm vững bản chất, chức năng của từng loại nhận thức đó cũng như mối quan hệ biện chứng giữa chúng có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng trong việc đấu tranh khắc phục bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa và bệnh giáo điều.

1.3.3. Nhận thức thông thường và nhận thức khoa học

Khi căn cứ vào tính tự phát hay tự giác của sự xâm nhập vào bản chất của sự vật thì nhận thức lại có thể được phân ra thành nhận thức thông thường và nhận thức khoa học.

1.3.3.1. Nhận thức thông thường

Nhận thức thông thường (nhận thức tiền khoa học) là loại nhận thức được hình thành một cách tự phát, trực tiếp từ trong hoạt động hàng ngày của con người. Nó phản ánh sự vật, hiện tượng xảy ra với tất cả những đặc điểm chi tiết, cụ thể và những sắc thái khác nhau của sự vật. Vì vậy, nhận thức thông thường mang tính phong phú, nhiều vẻ và gắn với những quan niệm sống thực tế hàng ngày. Vì thế, nó thường xuyên chi phối hoạt động của con người trong xã hội. Thế nhưng, nhận thức thông thường chủ yếu vẫn chỉ dừng lại ở bề ngoài, ngẫu nhiên tự nó không thể chuyển thành nhận thức khoa học được.

1.3.3.2. Nhận thức khoa học

Nhận thức khoa học là loại nhận thức được hình thành một cách tự giác và gián tiếp từ sự phản ánh đặc điểm bản chất, những quan hệ tất yếu của các sự vật.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

Nhận thức khoa học vừa có tính khách quan, trừu tượng, khái quát lại vừa có tính hệ thống, có căn cứ và có tính chân thực. Nó vận dụng một cách hệ thống các phương pháp nghiên cứu và sử dụng cả ngôn ngữ thông thường và thuật ngữ khoa học để diễn tả sâu sắc bản chất và quy luật của đối tượng nghiên cứu. Vì thế nhận thức khoa học có vai trò ngày càng to lớn trong hoạt động thực tiễn, đặc biệt trong thời đại khoa học và công nghệ.

Như vậy, nhận thức thông thường và nhận thức khoa học có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong mối quan hệ đó, nhận thức thông thường có trước nhận thức khoa học và là nguồn chất liệu để xây dựng nội dung của các khoa học. Ngược lại, khi đạt tới trình độ nhận thức khoa học thì nó lại tác động trở lại nhận thức thông thường, xâm nhập và làm cho nhận thức thông thường phát triển, tăng cường nội dung khoa học cho quá trình nhận thức thế giới của con người.

2. Thực tiễn

Trong lịch sử triết học trước Mác, các trào lưu đều có quan niệm chưa đúng, chưa đầy đủ về thực tiễn. Chủ nghĩa duy tâm chỉ hiểu thực tiễn như là hoạt động tinh thần của con người, chứ không xem nó là hoạt động vật chất. Ngược lại, chủ nghĩa duy vật trước Mác đã hiểu được thực tiễn là hành động vật chất của con người nhưng lại xem nó là hoạt động con buôn đê tiện, không có vai trò gì đối nhận thức của con người.

Trong “Luận cương về Phơ-bách”, C.Mác từng nói: “...chủ nghĩa duy tâm dĩ nhiên là không hiểu hoạt động hiện thực, cảm giác được, đúng như là hoạt động hiện thực, cảm giác được. Phơ-bách muốn xem xét những khách thể cảm giác được, thực sự khác biệt với những khách thể tư tưởng, nhưng ông không xem xét bản thân hoạt động của con người, như là hoạt động khách quan. Bởi thế,

trong “Bản chất đạo Cơ Đốc, ông chỉ coi hoạt động lý luận là hoạt động đích thực của con người, còn thực tiễn thì chỉ được ông xem xét và xác định trong hình thức biểu hiện Do Thái bản thủ mà thôi. Vì vậy, ông không hiểu được ý nghĩa của hoạt động Đảng “cách mạng” của hoạt động “thực tiễn-phê phán” [3, tr.9]



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

2.1. Khái niệm thực tiễn

Triết học Mác - Lênin đánh giá phạm trù thực tiễn là một trong những phạm trù nền tảng, cơ bản của triết học nói chung và lý luận nhận thức nói riêng. Quan điểm đó đã tạo nên một bước chuyển biến cách mạng trong triết học.

Vậy thực tiễn là gì? Triết học mácxít khẳng định:

Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

Như vậy, dựa vào định nghĩa thực tiễn ta có thể thấy, thực tiễn là hoạt động khác biệt khá rõ so với hoạt động tư duy.

Thứ nhất, hoạt động thực tiễn là hoạt động vật chất để phân biệt với hoạt động tinh thần. Hoạt động thực tiễn, hoạt động vật chất đôi khi cũng được C.Mác gọi là hoạt động “cảm tính” để phân biệt với hoạt động nhận thức, hoạt động tinh thần, hoạt động tư tưởng. Trong hoạt động thực tiễn, con người sử dụng những công cụ vật chất tác động vào đối tượng vật chất làm biến đổi chúng theo mục đích của mình. C.Mác nói: “Đời sống xã hội, về thực chất, là có tính chất thực tiễn. Tất cả những sự thần bí đang đưa lý luận đến chủ nghĩa thần bí, đều được giải đáp một cách hợp lý trong thực tiễn của con người và trong sự hiểu biết thực tiễn ấy” [3, tr.12] hay trong “Luận cương về Phơ-bách”, C.Mác từng nói: “Các nhà triết học trước đây đều bằng cách này hay cách khác giải thích thế giới, song vấn đề là cải tạo thế giới ấy”. [3, tr.12]

Thứ hai, hoạt động thực tiễn là hoạt động có mục đích của con người. Đây là hoạt động đặc trưng và bản chất của con người. Trong quá trình tồn tại và phát triển của con người cũng như xã hội loài người, con người phải không ngừng sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất để đáp ứng nhu cầu của mình. Trong quá



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

trình đó, con người sử dụng công cụ lao động tác động vào giới tự nhiên, làm biến đổi nó theo mục đích của mình nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ con người. Có thể nói, trong suốt quá trình tồn tại của mình, tất cả mọi hoạt động của con người đều có một hoặc nhiều mục đích nhất định. Không hoạt động nào là không có mục đích.

Thứ ba, hoạt động thực tiễn là hoạt động mang tính lịch sử - xã hội. Nó được thực hiện một cách tất yếu khách quan và không ngừng được phát triển bởi con người qua các thời kỳ lịch sử. Trong bất kỳ thời đại nào, bất kỳ giai đoạn nào, con người cũng có những nhu cầu. Nhu cầu là yếu tố thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Để đáp ứng nhu cầu đó, con người phải không ngừng sản xuất. Và tùy trình độ của mình trong từng thời kỳ mà con người tác động vào giới tự nhiên theo những phương pháp và bằng các công cụ khác nhau. Chính yếu tố này thể hiện trình độ chinh phục tự nhiên của con người. Chính vì vậy mà C.Mác từng nói, điều quan trọng không phải là xem xét xã hội đó sản xuất ra cái gì mà quan trọng là họ đã sản xuất bằng công cụ nào. Do vậy, thực tiễn bao giờ cũng là hoạt động vật chất có mục đích và mang tính lịch sử - xã hội.

2.2. Các hình thức của hoạt động thực tiễn

Hoạt động thực tiễn có ba hình thức cơ bản: hoạt động sản xuất của cải vật chất, hoạt động chính trị-xã hội, hoạt động thực nghiệm khoa học.

Hoạt động sản xuất của cải vật chất là hoạt động cơ bản, đầu tiên của thực tiễn. Đây là hoạt động mà con người sử dụng công cụ lao động tác động vào giới tự nhiên để tạo ra sản phẩm vật chất nhằm duy trì sự tồn tại thiết yếu của mình. Là hoạt động cơ bản bởi không xã hội nào có thể tồn tại được nên không sản xuất và tái sản xuất. Sản xuất ra tư liệu sinh hoạt phục vụ cho đời sống là hoạt động



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

mà con người đã tiến hành từ khi mới xuất hiện cho đến nay. Đồng thời, đây cũng là hoạt động quan trọng nhất vì nó chi phối tất cả các hoạt động khác. Con người chịu sự quy định bởi hoàn cảnh sống. Hoàn cảnh sống như thế nào thì suy nghĩ, tư tưởng và hành động như thế ấy. Hoạt động sản xuất của cải vật chất là hoạt động đầu tiên mà con người tiến hành trong quá trình tồn tại của mình. Như lời của C.Mác từng nói rằng người ta trước hết phải ăn, mặc, ở rồi mới nói đến chuyện làm khoa học, tôn giáo, nghệ thuật... hay một sự dí dỏm khác cũng của C.Mác rằng “ngay cả một đứa bé cũng có thể biết rằng xã hội sẽ không thể tồn tại được nếu xã hội đó chỉ ngừng sản xuất một ngày”. Và xã hội không còn tồn tại nữa thì mọi chuyện khác đều trở nên thật vô nghĩa biết chừng nào!

Hoạt động chính trị-xã hội là hoạt động của các tổ chức cộng đồng người khác nhau nhằm cải biến các mối quan hệ xã hội để thúc đẩy xã hội phát triển. Hoạt động chính trị-xã hội là một loại hoạt động thực tiễn khá đặc biệt của con người. Đây tuy là hoạt động có tính chủ quan của con người nhưng nó vẫn bị các quan hệ khách quan khác quy định mà trước tiên là hoạt động sản xuất của cải vật chất. Hoạt động này có thể góp phần thúc đẩy xã hội phát triển hoặc kìm hãm sự phát triển đó. Trong xã hội có giai cấp thì vai trò của hoạt động này được thể hiện một cách cụ thể hơn vai trò của mình.

Thực nghiệm khoa học là hoạt động được tiến hành trong điều kiện do con người tạo ra gần giống, giống hoặc lặp lại những trạng thái của tự nhiên và xã hội nhằm xác định các quy luật vận động của đối tượng nghiên cứu. Đây là một hình thức đặc biệt của thực tiễn, cùng với sự phát triển của khoa học, nó có vai trò ngày càng tăng trong sự phát triển của xã hội. Ngày nay, khoa học đã ngày càng chứng minh tính tích cực của nó và khoa học đã ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

Mỗi hình thức hoạt động cơ bản của thực tiễn có một chức năng quan trọng khác nhau, không thể thay thế được cho nhau song giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động qua lại lẫn nhau. Trong mỗi quan hệ đó, hoạt động sản xuất của cải vật chất là hoạt động cơ bản nhất, đóng vai trò quyết định đối với các hoạt động khác. Bởi vì, nó là hoạt động nguyên thủy nhất và tồn tại một cách khách quan, thường xuyên nhất trong đời sống của con người và nó tạo ra những điều kiện, của cải thiết yếu có tính quyết định đối với sự sinh tồn và phát triển của con người. Không có hoạt động sản xuất của cải vật chất thì không thể có các hình thức hoạt động khác. Các hình thức hoạt động khác suy cho cùng cũng xuất phát từ hoạt động sản xuất của cải vật chất và phục vụ cho hoạt động sản xuất của con người.

Nói như thế không có nghĩa là các hình thức hoạt động chính trị-xã hội và thực nghiệm khoa học là hoàn toàn thụ động, lệ thuộc một chiều vào hoạt động sản xuất của cải vật chất. Ngược lại, chúng có tác động kìm hãm hoặc thúc đẩy hoạt động sản xuất phát triển. Chẳng hạn, nếu hoạt động chính trị-xã hội mang tính chất tiến bộ, cách mạng và nếu hoạt động thực nghiệm khoa học đúng đắn sẽ tạo đà cho hoạt động sản xuất phát triển. Còn nếu hoạt động chính trị xã hội mà lạc hậu, phản cách mạng và nếu hoạt động thực nghiệm sai lầm, không khoa học sẽ kìm hãm sự phát triển của hoạt động sản xuất của cải vật chất.

Chính sự tác động qua lại lẫn nhau của các hình thức hoạt động cơ bản đó làm cho thực tiễn vận động, phát triển không ngừng và ngày càng có vai trò quan trọng đối với nhận thức.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

3. Vấn đề chân lý

3.1. Khái niệm chân lý

Có nhiều quan điểm khác nhau về chân lý. Các nhà thực chứng cho rằng chân lý là những tư tưởng, quan điểm được nhiều người thừa nhận. Đây là một quan điểm phiến diện, bởi vì trong thực tế có những quan điểm được nhiều người thừa nhận nhưng lại không đúng đắn.

Chủ nghĩa phát xít lại đưa ra quan điểm coi chân lý là những luận điểm của kẻ mạnh, chân lý thuộc về kẻ mạnh. Đây là quan điểm sai lầm, bởi vì dùng yếu tố chủ quan để xác định giá trị của những tri thức phản ánh thuộc tính khách quan.

Bác bỏ những quan điểm sai lầm đó, triết học Mác - Lênin cho rằng, chân lý là những tri thức phù hợp với hiện thực khách quan và được thực tiễn kiểm nghiệm. Như vậy chân lý là sản phẩm của quá trình nhận thức về thế giới của con người. Nó được hình thành, phát triển dần dần từng bước và phụ thuộc vào điều kiện lịch sử cụ thể của nhận thức, vào hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của con người.

3.2. Các tính chất của chân lý

3.2.1. Tính khách quan.

Tính khách quan của chân lý biểu hiện nội dung phản ánh của chân lý độc lập với ý thức của con người và loài người, không phải là sản phẩm thuần túy chủ quan, mà nội dung nó thuộc về khách quan, do thế giới khách quan quy định.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

Ví dụ, luận điểm cho rằng: “Trái đất quay xung quanh mặt trời” là một chân lý. Chân lý ấy có tính khách quan bởi vì nội dung luận điểm đó phản ánh đúng sự kiện có thực, tồn tại độc lập đối với mọi người.

Khẳng định chân lý có tính khách quan là một trong những đặc điểm nổi bật dùng để phân biệt quan niệm về chân lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng so với chủ nghĩa duy tâm và thuyết không thể biết. Vì vậy trong nhận thức và trong hoạt động thực tiễn phải xuất phát từ hiện thực khách quan, hoạt động theo quy luật khách quan.

3.2.2. Tính tuyệt đối và tính tương đối

Tính tuyệt đối của chân lý là tính phù hợp hoàn toàn đầy đủ giữa nội dung phản ánh của tri thức với hiện thực khách quan. Về nguyên tắc, con người có thể đạt tới tính tuyệt đối của chân lý. Bởi vì, khả năng nhận thức của con người là vô hạn. Song khả năng đó bị hạn chế bởi những điều kiện cụ thể, bởi điều kiện xác định về không gian, thời gian.

Tính tương đối của chân lý là tính phù hợp nhưng chưa hoàn toàn đầy đủ giữa nội dung phản ánh của những tri thức với hiện thực khách quan. Điều đó có nghĩa giữa nội dung của chân lý với khách thể phản ánh chỉ mới phù hợp từng phần, từng bộ phận, ở một khía cạnh nào đó.

Tính tương đối và tính tuyệt đối của chân lý không tồn tại tách rời nhau mà có sự thống nhất biện chứng với nhau. Tính tuyệt đối của chân lý là tổng số các tính tương đối; ngược lại, trong mỗi tính tương đối bao giờ cũng chứa đựng những yếu tố của tính tuyệt đối.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

Nhận thức đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa tính tương đối và tính tuyệt đối của chân lý có ý nghĩa quan trọng trong việc phê phán và khắc phục sai lầm cực đoan trong nhận thức và hành động. Nếu cường điệu hoá tính tuyệt đối của chân lý, hạ thấp tính tương đối sẽ rơi vào quan điểm siêu hình, giáo điều, bệnh bảo thủ, trì trệ. Ngược lại nếu tuyệt đối hoá tính tương đối sẽ rơi vào chủ nghĩa tương đối; từ đó dẫn đến chủ quan, chủ nghĩa xét lại, thuật nguy hiểm.

3.2.3. Tính cụ thể

Điều đó có nghĩa mỗi tri thức đúng đắn bao giờ cũng có một nội dung nhất định. Nội dung đó không phải sự trừu tượng thuần túy thoát ly hiện thực mà luôn gắn bó với một đối tượng, diễn ra trong một không gian, thời gian hay một hoàn cảnh nào đó, trong mối liên hệ, quan hệ cụ thể. Vì vậy, bất cứ chân lý nào cũng gắn liền với những điều kiện lịch sử - cụ thể. Nếu thoát ly tính cụ thể, thì những tri thức được hình thành trong quá trình nhận thức sẽ rơi vào sự trừu tượng thuần túy. Lênin viết: “không có chân lý trừu tượng”, “chân lý luôn luôn là cụ thể”.

Việc nắm vững nguyên tắc tính cụ thể của chân lý có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Nó đòi hỏi khi xem xét, đánh giá mỗi sự vật, hiện tượng, việc làm của con người phải dựa trên quan điểm lịch sử - cụ thể; Phải xuất phát từ điều kiện cụ thể mà vận dụng lý luận chung cho phù hợp.

Như vậy, mỗi chân lý đều có tính khách quan, tương đối, tuyệt đối và tính cụ thể. Các tính chất đó không tách rời nhau mà quan hệ chặt chẽ với nhau. Thiếu một trong những tính chất đó thì những tri thức đạt được không thể có giá trị đối với đời sống của con người.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

3.2.3. Về tiêu chuẩn của chân lý

Khi bàn đến tiêu chuẩn để đánh giá chân lý, có nhiều quan điểm khác nhau.

Chủ nghĩa duy tâm quan niệm, tính rõ ràng, tính chặt chẽ là tiêu chuẩn để đánh giá chân lý.

Có quan điểm cho rằng, lấy việc được nhiều người thừa nhận làm tiêu chuẩn để đánh giá chân lý.

Gần đây, William S. Sahakan và Mabel. Sahakan- trong cuốn “ Tư tưởng các triết gia vĩ đại” còn liệt kê ra các tiêu chuẩn của chân lý gồm:

1. Tập quán (Custom)
2. Truyền thống (Tradition)
3. Thời gian (Time)
4. Cảm tính (hay Xúc Cảm)
5. Bản năng (Instinct)
6. Linh cảm (Hunch)
7. Trực giác (Intuition)
8. Thiên khai (Revelation)
9. Luật đa số (Majority rule)
10. Tri thức nhân loại (Concensus Gentium)

11. Chủ nghĩa duy thực thuần phác
12. Sự tương hợp
13. Thẩm quyền (Authority)
14. Tiêu chuẩn thực dụng (The Pragmatic Criterion of Truth)
15. Nhất quán cục bộ (Loose Consistency)
16. Nhất quán tổng thể (hay Nhất quán nghiêm ngặt - Rigorous Consistency)
17. Kết cấu chặt chẽ

Theo tác giả thì để có được một cái nhìn rõ ràng và đúng đắn về bất kỳ bộ môn triết học nào, chúng ta phải thấu triệt các tiêu chuẩn chân lý của nó. Đó là điều kiện quan trọng đặc biệt, bởi lẽ các hệ thống triết lý khác nhau thường đưa ra những ý tưởng bất đồng với nhau. Bản thân các quy tắc luận lý không thể vạch ra các sự kiện về giới nhân sinh hay giới tự nhiên. Để khám phá những sự kiện ấy, hay để đánh giá mức độ đáng tin cậy của một lập luận nào đó, mỗi cá nhân phải dựa vào các tiêu chuẩn xác định chân lý để tự mình phân định đúng sai.

Không phải tất cả những gì được gọi là “tiêu chuẩn chân lý” đều có giá trị và hiệu lực như nhau. Một số thì thoả đáng, số khác thì đáng được nghi vấn. Các tiêu chuẩn đề cập bên dưới đây, không phải được chọn theo cơ sở giá trị và hiệu lực, đúng hơn là theo quan niệm đại chúng. Tuy nhiên, theo cách đánh giá của giới học giả, chúng được xem là thông dụng và gần gũi nhất.

Cũng theo tác giả, trong số các tiêu chuẩn được đề cập đến ở trên, kết cấu chặt chẽ là yếu tố thoả mãn các yêu cầu kiểm chứng chân lý một cách đầy đủ



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

nhất. Nó bao hàm các đặc tính cần thiết: lý lẽ, hệ thống, tổng thể, tương quan và nhất quán. Rõ ràng, giới hạn của tiêu chuẩn này, không thuộc về khiếm khuyết của nó, chính là giới hạn của con người (hay nói cách khác, sự bất lực của con người) trong việc thu thập toàn bộ kinh nghiệm về thế giới thực tại. Chỉ có trí tuệ “thông suốt mọi sự” mới sở hữu được khối tri thức khổng lồ ấy.

Do vậy, con người phải tự bằng lòng với vốn tri thức sẵn có ở thời điểm hiện tại, với những gì được chứng minh là chân xác theo chuẩn mực “có khả năng gắn kết chặt chẽ nhất” đối với kinh nghiệm tri thức trong điều kiện hiện tại.

Như vậy, thông qua công trình của tác giả William S.Sahakan và Mabel. Sahakan sẽ phần nào giúp ta có một cái nhìn khái quát hơn, rộng hơn về vấn đề tiêu chuẩn của chân lý, tránh những định kiến không tốt trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học. Những tư tưởng ở trên không phải là hoàn toàn không có lý và có nhiều điều mà thiết nghĩ chúng ta phải xem xét. Tuy nhiên, dù thế nào đi chăng nữa thì ta vẫn thấy, và cũng thông qua tác phẩm trên, mà ta thêm tin tưởng vào tính chất đúng đắn trong quan niệm của chủ nghĩa Mác-Lênin về tiêu chuẩn của chân lý. Đó là thực tiễn, dù còn một số vấn đề cần phải bàn lại, tuy nhiên, cho đến nay ta vẫn phải thừa nhận tính chất nhất quán, triệt để duy vật và khoa học trong quan niệm đó.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng, chân lý là kết quả của quá trình nhận thức khoa học nên bao giờ cũng đảm bảo tính rõ ràng, chặt chẽ và sớm hay muộn cũng sẽ được nhiều người thừa nhận, nhưng đó chưa phải là tiêu chuẩn để đánh giá chân lý; tiêu chuẩn để đánh giá nhận thức không thể nằm trong nhận thức mà phải cao hơn nhận thức. C.Mác đã viết: “Vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có thể đạt tới chân lý khách quan hay không, hoàn toàn không phải là vấn đề lý luận mà là một vấn đề thực tiễn. Chính trong thực tiễn mà con người



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

phải chứng minh chân lý”. [3, tr.9-10] Như vậy tiêu chuẩn sát thực để đánh giá chân lý là thực tiễn, tiêu chuẩn đó quy định nhận thức không thể đạt ngay đến trạng thái vĩnh cửu.

4. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

4.1. Thực tiễn là cơ sở, động lực và mục đích của nhận thức

Con người luôn luôn có nhu cầu khách quan là phải giải thích và cải tạo thế giới, điều đó bắt buộc con người phải tác động trực tiếp vào các sự vật, hiện tượng bằng hoạt động thực tiễn của mình, làm cho các sự vật vận động, biến đổi qua đó bộc lộ các thuộc tính, những mối liên hệ bên trong. Các thuộc tính và mối liên hệ đó được con người ghi nhận chuyển thành những tài liệu cho nhận thức, giúp cho nhận thức nắm bắt được bản chất các quy luật phát triển của thế giới. Chẳng hạn, xuất phát từ nhu cầu cần đo đạc diện tích, đo sức chứa của các bình mà toán học ra đời và phát triển... Suy cho đến cùng không có một lĩnh vực nào lại không xuất phát từ thực tiễn, không nhằm vào việc phục vụ hướng dẫn thực tiễn.

Chính trong hoạt động thực tiễn, thông qua hoạt động thực tiễn con người nhận thức hiện thực khách quan, không có thực tiễn thì cũng không có quá trình nhận thức. Giới tự nhiên là đối tượng là khách thể của nhận thức. Giới tự nhiên có trước là cái quyết định nhận thức và như vậy nội dung của nhận thức không thể là cái gì khác hơn là hình ảnh của giới tự nhiên được ghi lại trong đầu óc con người. Giới tự nhiên quyết định nội dung khách quan của nhận thức do đó, hình ảnh của thế giới trong đầu óc con người có nội dung khách quan. Hình ảnh ấy chỉ nảy sinh và dần dần phát triển trên cơ sở của sự tác động qua lại giữa chủ thể và khách thể, và trong mối quan hệ đó sự tác động qua lại giữa chủ thể và khách thể



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

đóng vai trò là cơ sở của nhận thức, không có cơ sở đó, không có bất kỳ nhận thức nào. Sự nhận thức của loài người ngày càng phát triển phong phú và đi sâu vào thế giới khách quan, nó phụ thuộc vào quá trình và trình độ con người tác động vào thế giới khách quan, phụ thuộc vào năng lực hoạt động thực tiễn của con người. Nghĩa là, nhận thức của con người không bao giờ tách rời thực tiễn, nhận thức của con người chỉ có ý nghĩa khi nó được ứng dụng vào thực tiễn nhằm thúc đẩy thực tiễn. Bởi vậy, thực tiễn được coi là mục đích của nhận thức.

Mặt khác, nhờ có hoạt động thực tiễn mà các giác quan con người ngày càng được hoàn thiện; năng lực tư duy logic không ngừng được củng cố và phát triển; các phương tiện nhận thức ngày càng tinh vi, hiện đại, có tác dụng “nối dài” các giác quan của con người trong việc nhận thức thế giới. Chẳng hạn, từ công việc điều hành, tổ chức nền sản xuất... mà đòi hỏi các môn khoa học quản lý ra đời và phát triển.

Hơn nữa, nhận thức ra đời và không ngừng hoàn thiện trước hết không phải vì bản thân nhận thức mà là vì thực tiễn, nhằm giải đáp các vấn đề thực tiễn đặt ra và để chỉ đạo, định hướng hoạt động thực tiễn. Chẳng hạn, các môn khoa học quản lý ra đời nhằm giúp các nhà quản lý tìm ra các biện pháp nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Sự phân tích trên đây về vai trò của thực tiễn đối với nhận thức đòi hỏi chúng ta phải quán triệt quan điểm thực tiễn. Quan điểm này yêu cầu việc nhận thức phải xuất phát từ thực tiễn, dựa trên cơ sở thực tiễn, đi sâu vào thực tiễn, phát hiện nhu cầu của thực tiễn, tổng kết những tài liệu do thực tiễn đem lại. Phải lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn, làm mục đích của nhận thức. Nghiên cứu lý luận phải liên hệ với thực tiễn, học đi đôi với hành.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

4.2. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý

Khi nói đến thực tiễn là tiêu chuẩn của nhận thức chân lý, điều đó cũng có nghĩa khẳng định nhận thức con người là một quá trình, quá trình đó không tách rời thực tiễn. Về vấn đề này, Lênin đã từng nói: “Chúng ta đã thấy rằng C.Mác, vào năm 1845, và Ph.Ăngghen vào những năm 1888 và 1892, đã đưa tiêu chuẩn thực tiễn vào làm cơ sở cho lý luận duy vật về nhận thức. Đứng ngoài thực tiễn mà đặt vấn đề xem xét “chân lý vật thể” (tức là chân lý khách quan) “có nhất trí với tư duy con người hay không” thì như thế là triết học kinh viện...” [9, tr.161]. Chân lý là tiêu chuẩn của chân lý vừa có ý nghĩa tương đối vừa có ý nghĩa tuyệt đối. Trong mối quan hệ giữa thực tiễn và nhận thức, thực tiễn càng phát triển càng thúc đẩy nhận thức của con người tiến lên, do đó thực tiễn, hoạt động thực tiễn của con người chính là động lực của nhận thức con người. Do vậy, thực tiễn ở đây là tuyệt đối, khách quan, là cái có trước so với nhận thức con người.

Tính tuyệt đối này của tiêu chuẩn thực tiễn trong nhận thức chân lý thể hiện lập trường duy vật của các nhà triết học khi xem xét mối quan hệ giữa cái vật chất và cái tinh thần. Điều này đã được V.I.Lênin chỉ rõ: “Đương nhiên, sự đối lập giữa vật chất và ý thức chỉ có ý nghĩa tuyệt đối trong những phạm vi hết sức hạn chế, trong trường hợp này, chỉ giới hạn trong vấn đề nhận thức luận cơ bản là thừa nhận cái gì là cái có trước và cái gì là cái có sau? Ngoài giới hạn đó, thì không còn nghi ngờ gì nữa rằng sự đối lập đó là tương đối”.

Vậy, tính tương đối của tiêu chuẩn thực tiễn trong nhận thức chân lý là gì? Nó được hiểu theo nghĩa nào? Nói đến tính tương đối của tiêu chuẩn thực tiễn là nói về phạm vi tác động (chứng minh chân lý), quá trình tác động hình thành chân lý và tính chất, trình độ tác động khẳng định cái gì đó là chân lý hay không phải



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

chân lý của nó. Bởi vậy, việc xác định tính tương đối của tiêu chuẩn thực tiễn trong nhận thức chân lý là xem xét thực tiễn theo từng khía cạnh đó.

Trước hết, thực tiễn là một quá trình. Trong mỗi một giai đoạn cụ thể, sự vận động của sự vật, hiện tượng khách quan, dưới tác động của hoạt động thực tiễn của con người bộc lộ các mặt, các thuộc tính nhất định, trên cơ sở đó con người nhận thức và khái quát hoá thành chân lý. Bởi vậy, trong mỗi giai đoạn phát triển của hiện thực khách quan, tri thức của con người luôn phụ thuộc vào trình độ của hiện thực khách quan ở giai đoạn lịch sử cụ thể đó, và tính cụ thể của chân lý là với nghĩa đó. Bằng một hành động thực tiễn nào đó, con người có thể chứng minh một cái gì đó trong nhận thức của mình, song chỉ có trong quá trình luôn vận động, phát triển không ngừng của thực tiễn, con người mới có thể khẳng định được toàn bộ nội dung của nó. V.I.Lênin đã chỉ rõ: “Dĩ nhiên không nên quên rằng tiêu chuẩn thực tiễn, xét về thực chất, không bao giờ xác nhận hoặc bác bỏ một cách hoàn toàn một biểu tượng nào đó của con người, dù biểu tượng ấy là thể nào chẳng nữa. Tiêu chuẩn đó cũng khá “không xác định” để không cho phép các hiểu biết của con người trở thành một cái “tuyệt đối”, đồng thời nó cũng khá xác định để có thể tiên hành đấu tranh quyết liệt chống tất cả các thứ chủ nghĩa duy tâm và bất khả tri”.

Tính tương đối của tiêu chuẩn thực tiễn còn được hiểu theo nghĩa trong quá trình tác động của mình. Thực tiễn ở một giai đoạn lịch sử - cụ thể nào đó tạo nên tri thức tuyệt đối đúng ở giai đoạn đó, và tri thức đó cũng chỉ tuyệt đối đúng trong một giai đoạn lịch sử - cụ thể nhận định nào đó của toàn bộ tiến trình thực tiễn. Nhưng, xét trong suốt quá trình vận động vô tận, phát triển không ngừng của thực tiễn thì chân lý của một giai đoạn nào đó là chân lý có tính tương đối.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

Điều này đã được chứng minh trong lịch sử vào thời kỳ chủ nghĩa tư bản cạnh tranh, bằng việc nghiên cứu xã hội tư bản, C.Mác đã tìm ra các quy luật và vai trò của các yếu tố cấu thành xã hội đó. C.Mác đã phát hiện ra khâu cơ bản nhất trong một nền kinh tế nó là nền tảng cơ bản cho sự tồn tại của một xã hội với nền sản xuất hàng hoá, lợi nhuận bình quân. Phát hiện này giúp C.Mác rút ra kết luận rằng giai cấp vô sản không thể thắng lợi được nếu chỉ dừng lại ở đấu tranh tự phát, hoặc đấu tranh bằng các hình thức kinh tế, mà phải đấu tranh tự giác, dưới một hình thức cao hơn là đấu tranh chính trị nhằm thực hiện hệ tư tưởng của một giai cấp. Khi giai cấp tư sản không còn là những ông chủ riêng lẻ, rời rạc, mà là một giai cấp thật sự, có quyền lợi gắn bó giữa các thành viên có quan hệ chặt chẽ với nhau và hơn thế nữa, giai cấp tư sản không chỉ bó hẹp lợi ích của mình trong một dân tộc, mà nó còn có lợi ích ở các dân tộc và quốc gia khác, thì theo C. Mác, cách mạng vô sản chỉ có thể thắng lợi được nếu như giai cấp vô sản đoàn kết lại, ít nhất là ở các nước phát triển như Đức, Anh, Pháp. Nhưng, đến giai đoạn Lênin, chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, ngoài mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản, còn có sự phân hoá mâu thuẫn giữa các nước đế quốc. Với thực tiễn đó V. I.Lênin đã rút ra kết luận rằng, giai cấp vô sản có thể thắng lợi ở một số nước, thậm chí ở một nước. Và thực tiễn đã chứng minh điều đó với thắng lợi của cách mạng tháng mười Nga.

Như vậy, chân lý phản ánh quá trình vận động, phát triển của hiện thực cũng có tính lịch sử - cụ thể. Mỗi một giai đoạn trong quá trình đó, chân lý chỉ phản ánh được một mặt nào đó của hiện thực khách quan. Không thể lấy thực tiễn của giai đoạn sau để chứng minh cho chân lý của giai đoạn trước.

Khẳng định tính có giới hạn về lịch sử của hoạt động thực tiễn không có nghĩa là phủ nhận tính tuyệt đối của chân lý. Tri thức phản ánh giai đoạn trước



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

của hiện thực khách quan là chân lý, nhưng nó chỉ là chân lý tuyệt đối ở giai đoạn đó, còn trong giai đoạn mới của hiện thực khách quan, nó chỉ là chân lý tương đối. Bởi vậy, để tránh đi theo khuynh hướng của chủ nghĩa tương đối - phủ nhận khả năng đó đến chân lý, và tránh khuynh hướng giáo điều cho rằng có chân lý vĩnh cửu cho mọi thời đại đòi hỏi chúng ta xem xét nó trong mối quan hệ lịch sử cụ thể. Điều đó có nghĩa là, trong giai đoạn mới, hiện thực khách quan mới luôn bộc lộ ra nhiều mặt, nhiều thuộc tính, quan hệ mới so với giai đoạn trước. Việc nắm bắt các mặt, các thuộc tính mới đó là đòi hỏi tất yếu của chủ thể nhận thức trong quá trình hoạt động thực tiễn. Thực tiễn giai đoạn sau là sự bổ sung đầy đủ hơn cho thực tiễn giai đoạn trước, đồng thời nó cũng là tiêu chuẩn để kiểm tra lại, đánh giá lại một cách đầy đủ hơn tri thức phản ánh thực tiễn khách quan của giai đoạn trước.

Ngoài ý nghĩa về thời điểm, tính tương đối của tiêu chuẩn thực hiện còn có thể hiểu theo khía cạnh khác: thực tiễn là quá trình vô hạn không có điểm kết thúc. Hiện thực khách quan luôn luôn vận động, phát triển, sự vận động, sự phát triển của nó là vĩnh viễn, vô hạn và vô tận. Tri thức phản ánh hiện thực khách quan của mỗi giai đoạn quá trình vận động, phát triển đó được hình thành như là một nấc thang trong quá trình nhận thức của con người. Giai đoạn sau là sự kế tiếp, kế thừa của giai đoạn trước tạo ra nấc thang mới về nhận thức. Ở đây, tính tương đối của tiêu chuẩn thực tiễn trong nhận thức chân lý không chỉ với nghĩa là so sánh các thang bậc của nhận thức, mà là với nghĩa bậc thang nhận thức được phản ánh một logic, trật tự nào đó của sự vật, hiện tượng, nhưng đến bậc thang sau đó có thể là phản ánh một logic, một trật tự khác.

Ngoài tính tương đối được hiểu theo nghĩa thực tiễn là một quá trình thì tính tương đối của tiêu chuẩn thực tiễn còn được hiểu theo nghĩa là hoạt động



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

thực tiễn trong một phạm vi nhất định sẽ hình thành nên một loại tri thức nhất định. Ở đây, việc hình thành chân lý là tùy theo phạm vi của thực tiễn.

Thực tiễn của một phạm vi, một lĩnh vực nào đó chỉ là tiêu chuẩn khách quan cho chân lý ở lĩnh vực, phạm vi đó. Không thể dùng thực tiễn ở phạm vi này để chứng minh cho chân lý ở phạm vi khác. Giới hạn của hoạt động thực tiễn trong một phạm vi cũng chính là tiêu chuẩn khách quan tuyệt đối cho chân lý của phạm vi đó. Xét theo một khía cạnh nào đó, thì mỗi một chân lý thuộc về một phạm vi nào đó của thực tiễn, nó phản ánh một mặt một khía cạnh nào đó của hiện thực khách quan để rồi với sự phát triển tiếp theo của thực tiễn, nó giúp cho con người đi sâu hơn vào quá trình tìm hiểu những bí mật của thế giới khách quan. Việc mở rộng phạm vi thực tiễn này cũng chính là việc nhận thức con người đi từ chân lý tương đối tới chân lý tuyệt đối thông qua hoạt động cải tạo, biến đổi hiện thực khách quan.

Thực tiễn trong phạm vi rộng lớn hơn, bao chứa những phạm vi thực tiễn nhỏ hơn. Bởi thế, chân lý (có thể là chân lý tuyệt đối) ở phạm vi thực tiễn rộng lớn này có thể là tổng số các chân lý bộ phận, nhưng chân lý bộ phận đơn lẻ, riêng rẽ có thể chưa chắc đã trùng với chân lý bộ phận trong một phạm vi thực tiễn rộng lớn. Tính tương đối của tiêu chuẩn thực tiễn ở đây có thể hiểu theo nghĩa xuất phát điểm khác nhau về phạm vi hoạt động thực tiễn, mục đích tìm hiểu hiện thực và sự tác động thực tiễn khác nhau đã khiến cho hiện thực bị biến đổi. Ở đây, không phải những lý do nêu trên đã làm cho chân lý mang tính chủ quan, tùy tiện, mà vấn đề là ở chỗ phải xem xét mọi khía cạnh, mọi mặt để tránh sa vào chủ nghĩa giáo điều, máy móc, đem thực tiễn rộng hơn (chung) làm luận chứng cho chân lý tương đối (bộ phận - riêng). Mối quan hệ giữa chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối được hiểu ngầm là tính tương đối của tiêu chuẩn thực tiễn



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

trong sự nhận thức các chân lý đó. Sự lẫn lộn mối quan hệ này trong lịch sử diễn ra không ít. Tiêu chuẩn này, theo V.I.Lênin, không chỉ có ý nghĩa phạm vi hẹp trong một giai đoạn lịch sử, mà là cá với toàn bộ lịch sử loài người.

Vậy, làm thế nào để khắc phục những sai lầm đó? Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, muốn khắc phục những sai lầm trong nhận thức thì phải xem xét sự vật hiện tượng trong mối quan hệ toàn diện phải xác định rõ phạm vi của thực tiễn hình thành nên chân lý, phải tái lập lại thực tiễn đó trong các hoàn cảnh, phạm vi khác nhau để kiểm tra chân lý, không nên cứng nhắc, áp đặt từ một phạm vi thực tiễn này sang một phạm vi thực tiễn khác. Tính tương đối của tiêu chuẩn thực tiễn, xét theo khía cạnh này, cho chúng ta thấy sự khác nhau giữa quan niệm duy vật siêu hình và chủ nghĩa giáo điều và thực tiễn với tư cách là tiêu chuẩn khách quan để đánh giá chân lý.

Trong sự nhận thức chân lý, thực tiễn là tiêu chuẩn khách quan của chân lý, nhưng có phải mọi thực tiễn đã là đủ để chứng minh chân lý? Ở đây, tính tương đối của tiêu chuẩn thực tiễn được hiểu theo nghĩa là hiện thực khách quan bộc lộ bản chất của nó ở mức độ nào và thể hiện thế nào qua mối quan hệ giữa sự chuyển hoá về lượng dẫn đến sự chuyển hoá về chất của hoạt động thực tiễn. Ở mức độ lượng, hoạt động thực tiễn mới chỉ phản ánh sự nhận thức hiện thực khách quan ở mức độ bề ngoài. Như vậy, không phải mọi hoạt động thực tiễn đã là tiêu chuẩn để đánh giá chân lý mà phải là hoạt động thực tiễn ở trình độ xác định. Sự phong phú về thuộc tính của sự vật, hiện tượng được bộc lộ ra dưới sự tác động của thực tiễn, song không phải sự bộc lộ nào của các mặt, các thuộc tính cũng là bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng đó. Hơn nữa, việc hình thành chân lý không phả dựa vào mọi thực tiễn và logic được phản ánh trong chân lý cũng chưa chắc đã là sự phản ánh logic của sự vật, hiện tượng mà thực tiễn đã tạo



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

nên. Tiêu chuẩn logic của chân lý được xây dựng trên sự công nhận tính không mâu thuẫn của tư duy là một yếu tố cần thiết của những hệ thống khoa học nhưng tiêu chuẩn logic không thể trở thành tuyệt đối thì chỉ có ý nghĩa tương đối. Phản ánh của giới tự nhiên trong tư tưởng con người phải được hiểu không phải một cách “chết cứng”, “trừu tượng”, không phải vận động không mâu thuẫn mà là trong quá trình vĩnh viễn của vận động của sự nảy sinh mâu thuẫn và sự giải quyết những mâu thuẫn đó. Do vậy, tiêu chuẩn logic của chân lý, xét đến cùng, phải gắn với thực tiễn với tư cách là tiêu chuẩn khách quan duy nhất, là có ý nghĩa quyết định đối với việc xác định tính chân lý của nhận thức con người. Như vậy, khi lấy thực tiễn để đánh giá chân lý phải xem xét trong tính cụ thể về trình độ, về dạng thức biểu hiện của nó tránh quan điểm thực dụng, tầm thường hóa vai trò của thực tiễn.

Tính tương đối của tiêu chuẩn thực tiễn còn biểu hiện khác nhau giữa hoạt động thực tiễn của một cá nhân so với hoạt động thực tiễn của cả một cộng đồng xã hội. Hoạt động thực tiễn của cá nhân không tồn tại tách biệt khỏi những hoạt động thực tiễn của cộng đồng xã hội, nhưng nó có những đặc điểm riêng, bởi hoạt động thực tiễn của một cá nhân có tính chất chủ quan. Hoạt động thực tiễn của mỗi cá nhân riêng lẻ cũng có thể là tiêu chuẩn để đánh giá chân lý, nếu hoạt động đó là sự thực hiện, thể hiện hoạt động thực tiễn của cả cộng đồng xã hội. Song, ngay cả hoạt động thực tiễn của cộng đồng xã hội cũng không phải lúc nào cũng đã là tiêu chuẩn để đánh giá chân lý. Bởi thế giới khách quan là vô cùng tận, trong khi đó thì hoạt động nhận thức của một cá nhân riêng lẻ hay cả một cộng đồng xã hội trong một thời điểm nào đó lại có hạn, bị hạn chế bởi rất nhiều diễn biến và hoàn cảnh cụ thể. Bởi vậy, cần phải phân biệt rõ giới hạn này của hoạt



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

động thực tiễn để tránh đi theo khuynh hướng của chủ nghĩa tương đối, hoặc coi chân lý là cái thuộc về số đông.

Thực tiễn là cái giúp cho con người rút ngắn tiến trình nhận thức hiện thực, bởi vậy việc xác định mức độ cần thiết của hoạt động thực tiễn là hết sức quan trọng. Theo quan điểm duy vật biện chứng, để nhận thức sự vật đầy đủ, ít sai lầm nhất, thì phải nhận thức sự vật trong mối liên hệ phổ biến, trong sự vận động và phát triển, trong tính cụ thể: trong tính đầy đủ của sự vật đó. Do đó, việc lựa chọn điểm xuất phát cho hoạt động thực tiễn và tình trạng của sự vật để tác động thực tiễn vào nó là cái có ý nghĩa quyết định xác định mức độ hoạt động thực tiễn. Để đạt được điều đó cần phải lựa chọn đối tượng tác động thực tiễn ở trạng thái phát triển đầy đủ nhất: trong mối quan hệ với đối tượng khác và tuân theo nguyên tắc lịch sử cụ thể.

Có thể nói, việc phân tích tính tương đối của tiêu chuẩn thực tiễn đem lại cho chúng ta một phương pháp luận không chỉ trong nhận thức mà cả trong chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Muốn nhìn nhận sự vật, hiện tượng một cách đầy đủ, ít sai lầm nhất, phải phân tích cụ thể, phải xem xét sự vật, hiện tượng trên quan điểm biện chứng, tức là xem xét trong mối liên hệ toàn diện của tiến trình vận động của sự vật, hiện tượng, không dừng ở hiện tượng bề ngoài, ở kinh nghiệm. Trong việc chỉ đạo hoạt động thực tiễn môi hành động thực tiễn đều phải căn cứ vào tình hình cụ thể của hoàn cảnh, chống máy móc, áp đặt, phải hành động phù hợp với tiến trình và giai đoạn phát triển cụ thể của sự vật và phải dựa vào quy luật vận động và phát triển của sự vật.

Như vậy, thực tiễn vừa là cơ sở, động lực vừa là mục đích của nhận thức. Không những thế thực tiễn còn là tiêu chuẩn để kiểm tra kết quả nhận thức, kiểm tra chân lý. Bởi vì nhận thức thường diễn ra trong cả quá trình bao gồm các hình



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

thức trực tiếp và gián tiếp, điều đó không thể tránh khỏi tình trạng là kết quả nhận thức không phản ánh đầy đủ các thuộc tính của sự vật. Mặt khác, trong quá trình hình thành kết quả nhận thức thì các sự vật cần nhận thức không đứng yên mà nằm trong quá trình vận động không ngừng. Trong quá trình đó, nhiều thuộc tính, nhiều mối quan hệ mới đã bộc lộ mà nhận thức chưa kịp phản ánh. Để phát hiện mức độ chính xác, đầy đủ của kết quả nhận thức phải dựa vào thực tiễn. Mọi sự biến đổi của nhận thức suy cho cùng không thể vượt ra ngoài sự kiểm tra của thực tiễn chịu sự kiểm nghiệm trực tiếp của thực tiễn. Qua thực tiễn để bổ sung, điều chỉnh, sửa chữa, phát triển và hoàn thiện kết quả nhận thức. C.Mác viết: “Vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có thể đạt tới chân lý khách quan hay không, hoàn toàn không phải là vấn đề lý luận mà là một vấn đề thực tiễn. Chính trong thực tiễn mà con người phải chứng minh chân lý, nghĩa là chứng minh tính hiện thực và sức mạnh, tính trần tục của tư duy của mình. Sự tranh cãi về tính hiện thực hay tính không hiện thực của tư duy tách rời thực tiễn, là một vấn đề kinh viện thuần túy”. [3, tr.9-10]

Thực tiễn quyết định nhận thức, vai trò đó đòi hỏi chúng ta phải luôn luôn quán triệt quan điểm mà V.I Lênin đã đưa ra: “Quan điểm về đời sống, về thực tiễn, phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản nhất của lý luận nhận thức. Gạt ra bên đường những điều bịa đặt vô tận của triết học kinh điển nhà giáo, quan điểm đó tất nhiên dẫn đến chủ nghĩa duy vật. Dĩ nhiên không nên quên rằng tiêu chuẩn thực tiễn, xét về thực chất, không bao giờ có thể xác nhận hoặc bác bỏ một cách hoàn toàn một biểu tượng nào đó của con người, dù biểu tượng ấy là thế nào chẳng nữa... Nếu cái mà thực tiễn của chúng ta xác nhận là chân lý khách quan, duy nhất, cuối cùng, thì như thế tức là con đường duy nhất dẫn đến chân lý đó là con đường của khoa học xây dựng trên quan điểm duy vật” [9, tr.167]. Quan điểm này yêu cầu việc nhận thức phải xuất phát từ thực tiễn, dựa trên cơ sở thực tiễn,

  **\$29.95** (Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

đi sâu vào thực tiễn, phải coi trọng công tác tổng kết thực tiễn. Việc nghiên cứu lý luận phải liên hệ với thực tiễn, học đi đôi với hành.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

C. KẾT LUẬN

Trong suốt lịch sử của mình, từ khi xuất hiện trên hành tinh này, con người đã phải không ngừng sản xuất và tái sản xuất để phục vụ nhu cầu sinh tồn và đảm bảo sự tồn tại và phát triển của xã hội. Trong các loại hình sản xuất thì sản xuất của cải vật chất là hoạt động cơ bản nhất và quan trọng nhất đối với mọi xã hội ở mọi thời đại của lịch sử. Sản xuất của cải vật chất là quá trình mà con người sử dụng các công cụ lao động tác động vào giới tự nhiên, cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu và mục đích của bản thân mình. Chính trong quá trình sản xuất mà con người đã vượt ra khỏi thế giới động vật và chứng minh tính hơn hẳn của mình trong khả năng chinh phục tự nhiên. Trong quá trình sản xuất, con người ngày càng hoàn thiện cơ thể, các giác quan. Và cũng chính trong quá trình sản xuất, quá trình con người tác động vào giới tự nhiên, con người đã bắt giới tự nhiên bộc lộ ra thuộc tính và bản chất của mình. Những thuộc tính và bản chất này tác động vào các giác quan con người, từ đó tác động lên bộ não đã hình thành nên những tri thức của con người được tích lũy qua quá trình lịch sử. Quá trình đó được gọi là quá trình nhận thức. Quá trình nhận thức là quá trình thế giới vật chất tác động vào bộ não con người thông qua các giác quan và hình thành nên tri thức thông qua hoạt động thực tiễn.

Nhận thức của con người là một quá trình. Quá trình đó diễn ra theo chiều hướng đi từ chưa biết đến biết, từ biết ít đến biết nhiều, từ chưa sâu sắc đến sâu sắc hơn. Quá trình nhận thức cũng như mọi quá trình phát triển khác không phải lúc nào cũng đi theo một con đường thẳng tắp mà theo đường xoắn ốc với nhiều bước gập ghềnh, khó khăn và phức tạp. Đôi khi, dường như nó trở lại điểm xuất phát để rồi tiến lên ở một trình độ cao hơn. Và trong lịch sử tư tưởng nhân loại, đã không ít lần con người đã phải suy nghĩ lại, nhận thức lại đối với các vấn đề do



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)

<http://www.word-pdf-converter.com>

cuộc sống đặt ra. Và cũng có nhiều khi con người đã phải trả giá, đôi khi là những cái giá rất đắt, cho những tư duy, những suy nghĩ thiếu thận trọng và thiếu sáng suốt của mình. Bài học lịch sử luôn là điều mà con người cần phải được học đầu tiên trong cuộc đời mình.

Hoạt động thực tiễn là hoạt động cơ bản và bản chất nhất của con người, thông qua hoạt động thực tiễn mà con người cải biến giới tự nhiên và đồng thời cũng cải biến chính bản thân mình. Trong hoạt động thực tiễn con người mới nhận thấy nhu cầu nhận thức ngày một sâu sắc hơn, phải không ngừng bổ sung và hoàn thiện lý luận để hoạt động thực tiễn ngày càng có hiệu quả. Ngược lại, thực tiễn luôn luôn biến đổi và luôn đề ra những yêu cầu mới cho con người. Nhận thức của con người không thể tiến hành ở đâu khác ngoài hoạt động thực tiễn, thông qua hoạt động thực tiễn mà con người thu nhận được tri thức cho bản thân mình. Và đương nhiên, nhận thức của con người lại cũng không hoàn toàn vì mục đích tự thân của nó. Con người nhận thức để hoạt động được tốt hơn, có hiệu quả hơn. Nhận thức là đêt hành động. Cho nên, thực tiễn vừa là cơ sở vừa là động lực vừa là mục đích của nhận thức. Nhận thức không thể tách rời thực tiễn và bản thân thực tiễn cũng luôn đưa ra những yêu cầu mới cho quá trình nhận thức. Đồng thời, thực tiễn còn là tiêu chuẩn không thể thay thế để con người kiểm tra tính đúng đắn của những tri thức lý luận của mình. Thực tiễn và nhận thức là hai mặt của một quá trình, quá trình nhận thức và cải tạo thế giới.

Cho nên trong quá trình hoạt động của mình, con người không được đề cao hay hạ thấp vai trò của thực tiễn cũng như của nhận thức. Nếu hạ thấp vai trò của lý luận sẽ dễ rơi vào chủ nghĩa thực dụng, còn hạ thấp vai trò của thực tiễn sẽ rơi vào chủ nghĩa giáo điều, bệnh chủ quan, duy ý chí, xa rời thực tiễn.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

Đổi mới tư duy trong sự gắn liền với hoạt động thực tiễn là một trong những chủ trương lớn của Đảng ta hiện nay. Đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa và những biến động nhanh chóng và to lớn của thế giới trong giai đoạn hiện nay. Chỉ có đổi mới tư duy lý luận, gắn lý luận với thực tiễn thì mới có thể nhận thức được các quy luật khách quan và trên cơ sở đó đề ra được đường lối cách mạng đúng đắn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Đảm bảo sự thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.



Buy Now

\$29.95

(Word Converter - Unregistered)
<http://www.word-pdf-converter.com>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo, (1999), Triết học, tập 3, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Bùi Văn Khoa (Chủ biên), (2000) , Triết học Mác-Lênin trích tác phẩm kinh điển, Thành phố Hồ Chí Minh.

C.Mác-Ph.Ăngghen, (1995), Toàn tập, tập 3, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Doãn Chính, Đinh Ngọc Thạch (Chủ biên), (2008), Vấn đề triết học trong tác phẩm của C.Mác-Ph.Ăngghen-V.I.Lênin, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Đoàn Quang Thọ (Chủ biên), (2002), Triết học, Thống Kê, Hà Nội.

Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia, (1997), Giáo trình triết học Mác-Lênin, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Nguyễn Quang Điền (Chủ biên), (2003), C.Mác-Ph.Ăngghen-V.I.Lênin về những vấn đề triết học, Đại

Trường lý luận cao cấp Nguyễn Ái Quốc, (1981), Triết học Mác-Lênin-chương trình cao cấp, Nxb Sách giáo khoa Mác-Lênin, Tp. HCM.

V.I.Lênin, (1981), Toàn tập, tập 18, Tiến Bộ, Matxcova.

V.I.Lênin, (1981), Toàn tập, tập 29, Tiến Bộ, Matxcova.